TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/DS-PT
Ngày: 15 – 8 - 2019.
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Anh**.**

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi

Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **106**/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **M**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bị đơn: Bà **N**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà N.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 09 năm 2018 và các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà M trình bày: Vào tháng 04/2016, bà N có vay của bà M số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Bà N trả

lãi bằng tiền mặt được 03 tháng với số tiền là 4.500.000 đồng. Đến ngày 30/08/2017 và ngày 08/6/2018, bà N có làm cam kết và hứa trả nợ cho bà M một lần vào tháng 03/2018 (âm lịch) nhưng đến nay bà N không thực hiện như cam kết.

Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu giải quyết: Buộc bà N trả cho bà M số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm bà M bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tính lãi của số tiền vốn 30.000.000đ từ khi cho vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà N trình bày: Vào ngày 11/4/2016 bà N có hỏi vay tiền của bà M giúp cho người bạn số tiền 30.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 15%/tháng và trả góp 150.000đ/ngày đồng thời không thỏa thuận thời hạn vay. Việc vay tiền bà N trực tiếp đứng ra hỏi vay của bà M và nhận số tiền 30.000.000đ. Sau khi vay bà N đóng lãi cho bà M từ ngày 11/4/2016 đến ngày 25/5/2017 với số tiền 33.000.000đ; Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận cấn trừ vào tiền lãi giá trị 01 chiếc điện thoại di động mà bà N đã đưa cho bà M trị giá 5.000.000đ, tiền mạng internet bà N cung cấp cho bà M sử dụng 04 tháng số tiền 360.000đ, tiền bà M lấy thẻ điện thoại của bà N số tiền 590.000đ. Tổng cộng bà N trả lãi cho bà M là 38.950.000đ. Từ ngày 25/5/2017 cho đến nay bà N không trả thêm khoản lãi nào nữa. Tiền vốn gốc bà N vẫn còn nợ bà M là 30.000.000đ. Đối với yêu cầu của bà M thì bà N đồng ý trả cho bà M số tiền vốn 30.000.000đ, nhưng bà N yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi của khoản vay 30.000.000đ theo lãi suất nhà nước quy định và cấn trừ tiền lãi vượt quá mà bà N đã trả cho bà M vào số tiền vốn nếu còn thừa thì trả lại cho bà N.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 đã quyết định:

* Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 185, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155, Điều 164, 166, Điều 357, Điều 463, 464, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà M 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà N trả xong cho bà M toàn bộ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, thì hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thiếu theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005643 ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà M tại phiên tòa sơ thẩm về buộc bà N phải trả lãi với lãi suất theo quy định của pháp luật của khoản tiền vay 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, kể từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2019, bị đơn bà N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền lãi mà phía bị đơn đã đóng cho nguyên đơn là 38.950.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N, đồng thời căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với thời hạn kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 22/4/2019 của bị đơn là trễ hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên việc kháng cáo trễ hạn của bị đơn là có lý do chính đáng theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 08/2019/QĐ-PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng nên kháng cáo của bị đơn vẫn hợp lệ và đúng theo luật định.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà N thấy rằng:

[1]. Theo nội dung vụ án nguyên đơn bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà N thanh toán số tiền vốn vay là 30.000.000đ, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn bà N thừa nhận có nợ

nguyên đơn bà M số tiền vốn vay là 30.000.000đ. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định bà N nợ của bà M số tiền vốn vay 30.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Đối với kháng cáo của bà N yêu cầu xem xét số tiền lãi mà bị đơn bà N đã đóng cho nguyên đơn bà M là 38.950.000đ. Thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà N trình bày bà đã trả cho bà M tiền lãi với lãi suất là 15%/tháng (góp 150.000đ/ngày), bà đã trả lãi với tổng số tiền là 33.000.000đ. Tuy nhiên phía bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đóng lãi số tiền tổng cộng là 33.000.000đ. Mặc khác phía nguyên đơn bà M cũng không thừa nhận mà chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi của bà N 03 tháng với số tiền 4.500.000đ. Ngoài ra bà M và bà N đều thừa nhận trong thời gian cho vay thì bà M có nhận của bà N một chiếc điện thoại trị giá 5.000.000đ, tiền mạng internet 04 tháng bằng 360.000đ và tiền thẻ điện thoại là 590.000đ, các khoản tiền này hai bên thỏa thuận cấn trừ vào tiền lãi phát sinh của khoản vay 30.000.000đ. Như vậy, tổng tiền lãi bà N đã trả cho bà M số tiền là 10.450.000đ. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định số tiền lãi bà N đã trả cho bà M là 10.450.000đ nhưng lại không xem xét về tiền lãi của số tiền vốn 30.000.000đ là chưa phù hợp. Vì khi giải quyết tranh chấp đối với giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản phải xem xét cả về vốn và lãi suất trong cùng vụ án đồng thời trong quá trình xét xử sơ thẩm về lãi là có tranh chấp mà cấp sơ thẩm không xem xét là thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn. Do đó cần thiết phải xem xét cả vốn và lãi thì mới đảm bảo việc giải quyết toàn diện, dứt điểm vụ án không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà M trình bày thời gian nhận số tiền lãi 10.450.000đ là từ tháng 5/2016 đến tháng 10/2016 (06 tháng), từ tháng 11/2016 đến nay thì bà N đã ngưng đóng tiền lãi cho bà M. Bà M yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vốn 30.000.000đ từ khi vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Còn bà N cũng yêu cầu tính tiền lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng phải khấu trừ số tiền lãi mà bà N đã trả cho bà M là 38.950.000đ, số tiền lãi đóng dư yêu cầu bà M trả cho bà N. Nhận thấy để đảm bảo quyền lợi của các bên thì cần xác định lại số tiền lãi mà bà N đã trả cho bà M trong 06 tháng (từ tháng 5/2016 đến tháng 10/2016) theo lãi suất do nhà nước quy định, sau đó khấu trừ vào số tiền lãi mà bà N đã trả cho bà M là 10.450.000đ, số tiền lãi đóng dư sẽ được khấu trừ vào tiền vốn vay 30.000.000đ đồng và tiếp tục tính tiền lãi trên số vốn đã khấu trừ từ tháng 11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật để buộc bà N trả cho bà M.

Thấy rằng Căn cứ vào quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm "*Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của*

Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy do thời gian tính lãi là từ tháng 4/2016 đến khi xét xử sơ thẩm là tháng 3/2019 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định mức lãi suất cho vay là 09%/năm tương đương 0,75%/tháng để tính lãi suất của số tiền vốn 30.000.000đ từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017 và căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định mức lãi suất cho vay là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng để tính lãi suất của số tiền vốn còn lại từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2019 (thời gian xét xử sơ thẩm). Cụ thể như sau:

Từ tháng 04/2016 - tháng 10/2016 vốn 30.000.000đ x 0,75% x 06 tháng = 1.350.000đ. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận số tiền lãi của bị đơn số tiền 10.450.000đ, do đó số tiền lãi bị đơn đã đóng dư cho nguyên đơn là 9.100.000đ được cấn trừ vào số tiền vốn 30.000.000đ. Số tiền vốn còn lại là 20.900.000đ.

Từ tháng 10/2016 - tháng 1/2017 vốn 20.900.000đ x 0,75% x 3 tháng = 470.250đ.

Từ tháng 1/2017 - tháng 3/2019 vốn 20.900.000đ x 0,83% x 26 tháng = 4.510.220đ.

Như vậy bị đơn bà N còn nợ nguyên đơn bà M số tiền vốn 20.900.000đ, tiền lãi 4.980.470đ.

Từ những nhận định nêu trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn bà N là có căn cứ chấp nhận một phần do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn bà N phải trả cho nguyên đơn bà M số tiền vốn là 20.900.000đ, tiền lãi là 4.980.470đ. Tổng cộng là 25.880.470đ.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do vụ án bị sửa nên phần án phí cũng phải sửa lại cho phù hợp theo quy định pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 185, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155, Điều 164, 166, Điều 357, Điều 463, 464, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M.

1. Buộc bị đơn bà N trả tiền vốn vay là 20.900.000đ, tiền lãi là 4.980.470đ. Tổng cộng là 25.880.470đ cho nguyên đơn bà M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm được qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ. Sau khi khấu trừ vào tạm ứng án phí bà M đã nộp 750.000đ theo biên lai thu số 0005643 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng, bà M được nhận lại số tiền 450.000đ.

Bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.294.000đ.

4/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà N không phải chịu. Hoàn trả cho bà N tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0008423 ngày 28/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Hoàng Anh